

HIỆP HỘI CÁC NHÀ THẦU XÂY DỰNG VIỆT NAM (VACC)

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG VIỆT NAM (Khung đánh giá và các tiêu chí đánh giá)

Hà Nội, ngày 30/06/2026

MỤC LỤC

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG	3
1. MỤC ĐÍCH	3
2. PHẠM VI ÁP DỤNG	3
3. CĂN CỨ PHÁP LÝ	3
4. THAM CHIẾU QUỐC TẾ.....	4
5. PHẦN MỀM VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ	4
II. CẤU TRÚC 3 LỚP ĐÁNH GIÁ.....	4
LỚP 1 – ĐIỀU KIỆN SƠ LOẠI BẮT BUỘC (MANDATORY GATE)	5
LỚP 2 – ĐIỂM NĂNG LỰC TỔNG HỢP THEO CÔNG THỨC TRỌNG SỐ.....	5
LỚP 3 – ĐIỂM SÀN TỐI THIỂU	6
III. CÁC TIÊU CHÍ & NGUỒN ĐIỂM ĐÁNH GIÁ.....	7
1. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC (A) – NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN & KINH NGHIỆM	7
2. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC (B) – NĂNG LỰC TÀI CHÍNH & HIỆU QUẢ KINH DOANH.....	9
3. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC (C) – QUẢN TRỊ, UY TÍN & TUÂN THỦ.....	10
IV. CƠ CHẾ THU THẬP DỮ LIỆU & THẨM ĐỊNH.....	12
1. NGUYÊN TẮC THU THẬP DỮ LIỆU	12
2. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ	12
3. CHẾ TÀI XỬ LÝ GIAN LẬN.....	12

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mục đích

Tài liệu này cung cấp một khung đánh giá và hệ thống tiêu chí nhất quán, định lượng và có thể kiểm chứng để đánh giá năng lực doanh nghiệp (DN) thi công xây dựng Việt Nam. Đánh giá năng lực DN nhằm đạt được 5 mục tiêu chiến lược:

- **Đánh giá khách quan, chuẩn hóa năng lực DN:** Thước đo thống nhất trên 3 khía cạnh cốt lõi: 1. Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm; 2. Tài chính và hiệu quả kinh doanh; 3. Quản trị, uy tín và tuân thủ.
- **Công cụ tham chiếu:** Là công cụ để chủ đầu tư tham khảo khi lựa chọn nhà thầu đủ năng lực.
- **Thúc đẩy nâng cao năng lực toàn ngành:** Tạo động lực để DN cải thiện quản trị, đầu tư công nghệ (BIM, trí tuệ nhân tạo AI, vật liệu và công nghệ xanh, công nghệ thi công và robot...) và tuân thủ chuẩn quốc tế.
- **Số hóa và tự động hóa quy trình đánh giá:** Phần mềm và CSDL trực tuyến hỗ trợ thu thập, phân tích và xác minh dữ liệu, giúp DN tiếp cận dễ dàng và giảm tải cho Hội đồng thẩm định.
- **Góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu ngành:** Hệ thống dữ liệu tập trung phục vụ quản lý ngành, phân tích chính sách và đối chiếu chuẩn (benchmarking) trong toàn ngành.

2. Phạm vi áp dụng

- Đối tượng đánh giá: Các DN thi công xây dựng Việt Nam, cả trong và ngoài Hiệp hội, trên cơ sở tự nguyện.
- Trước mắt, chọn và đánh giá khoảng 80 – 100 DN thi công xây dựng thuộc 3 lĩnh vực: 1. Công trình Dân dụng – Công nghiệp (DD-CN); 2. Công trình giao thông (CTGT); 3. Cơ điện (M&E).
- Phân loại công trình xây dựng áp dụng theo quy định tại Điều 3 Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026.
- DN có thể đăng ký nhiều lĩnh vực. Kết quả đánh giá theo các tiêu chí độc lập theo từng lĩnh vực.

3. Căn cứ pháp lý

- Luật Xây dựng: Luật số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025, có hiệu lực từ 01/07/2026.
- Luật Đấu thầu: Văn bản hợp nhất số 74/VBHN-VPQH ngày 25/03/2026.
- Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026.
- Văn bản số 8100 /BXD- KTQLXD ngày 01/06/2026 của Bộ Xây dựng về việc trả lời văn bản số 33CV/HHNT-2026 ngày 18/5/2026 của Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam.
- Quyết định số 509/QĐ-BNV ngày 22/06/2022 của Bộ Nội vụ Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam, quy định tại Điều 2 “mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội

viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả để góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phát triển doanh nghiệp”.

- Quyết định số 52/QĐ-VACC ngày 07/05/2026 của Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam về việc thành lập Hội đồng đánh giá năng lực các Doanh nghiệp Xây dựng Việt Nam.
- Quyết định số 54/QĐ-VACC ngày 12 /05/2026 của Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Đánh giá năng lực các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam.

4. Tham chiếu quốc tế

- Keishin System (Nhật Bản – MLIT): Đánh giá khách quan + chủ quan; 28 lĩnh vực; cập nhật hàng năm.
- CCES (Hàn Quốc – MOLIT & Hiệp hội): Tiêu chí đa chiều; top 1.000 DN xếp hạng và công bố công khai hàng năm.
- China Construction Qualification (Trung Quốc): Tự khai báo + hậu kiểm; cơ chế số hóa đang hoàn thiện.
- BCA (Building and Construction Authority) Contractor Registration System (Singapore): Phân hạng A1, A2, B1, B2, C1, C2, C3 theo giá trị gói thầu tối đa được phép nhận.
- CPARS (Mỹ – DoD): Contractor Performance Assessment Reporting; nhấn mạnh hiệu suất thực thi sau hợp đồng.

5. Phần mềm và cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá

Chất lượng đánh giá phụ thuộc trực tiếp vào hạ tầng dữ liệu số. Một hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu (CSDL) được thiết kế tốt sẽ thay thế quy trình thủ công và tạo sự thuận tiện cho công tác đánh giá thường kỳ của Hội đồng đánh giá:

- **Tự động hóa chấm điểm theo các ngưỡng đánh giá:** Toàn bộ các chỉ số của các nhóm tiêu chí đánh giá được mã hóa thành bảng tra điểm có cấu trúc. DN nhập số liệu để đánh giá theo yêu cầu của khung đánh giá. Hệ thống tính điểm tự động, thông báo kết quả riêng cho DN.
- **Ngưỡng tính điểm:** CSDL lưu trữ toàn bộ thông tin dữ liệu và điểm số đánh giá. Căn cứ dữ liệu kết quả đánh giá, Hội đồng sẽ quyết định ngưỡng tính điểm chính thức.
- **Minh bạch và đóng góp cho cơ sở dữ liệu ngành:** Kết quả đánh giá được công bố theo quyết định của Hội đồng đánh giá.

II. CẤU TRÚC 3 LỚP ĐÁNH GIÁ

Khung đánh giá sử dụng cấu trúc 3 lớp kiểm soát, đảm bảo không có DN nào đạt hạng cao khi còn vi phạm nghiêm trọng hoặc không đạt điểm sàn tối thiểu, đồng thời phản ánh đúng năng lực thực tế nhiều chiều của DN thi công xây lắp.

Lớp 1 – Điều kiện sơ loại bắt buộc (Mandatory Gate)

DN vi phạm bất kỳ điều kiện nào dưới đây bị loại khỏi quy trình ngay lập tức, không được tính điểm. Không có ngoại lệ.

DN vượt qua Lớp 1 được chấm điểm theo công thức trọng số.

Mã	Điều kiện	Mô tả chi tiết
MG-1	Tuân thủ pháp luật	Không có bản án có hiệu lực đối với DN và cá nhân lãnh đạo đại diện cho DN liên quan đến hoạt động, quyền lợi của DN trong 36 tháng gần nhất. Không bị cấm tham gia đấu thầu các dự án đầu tư công trên toàn quốc và kể cả các địa phương tỉnh trong 36 tháng gần nhất.
MG-2	Sự cố nghiêm trọng	Không để xảy ra sập đổ công trình gây tai nạn chết người do lỗi trực tiếp của nhà thầu trong 36 tháng gần nhất, mức độ từ nghiêm trọng trở lên.
MG-3	Nghĩa vụ BHXH	Không nợ BHXH quá 3 tháng tính đến thời điểm đánh giá.
MG-4	Nghĩa vụ thuế	Không nợ thuế; có xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế từ cơ quan thuế.

Lớp 2 – Điểm năng lực tổng hợp theo công thức trọng số

$$\text{Điểm năng lực} = A \times 45\% + B \times 35\% + C \times 20\%$$

Điểm năng lực tổng hợp tối thiểu sẽ được xác định theo từng lĩnh vực và được Hội đồng đánh giá quyết định sau khi kết thúc quá trình đánh giá.

Tiêu chí năng lực	Trọng số	Lý do thiết kế
A Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm	45%	Phân biệt năng lực thực thi trực tiếp. Kinh nghiệm thi công, sử dụng các công nghệ thi công tiên tiến, hiện đại và con người là thước đo quyết định khả năng hoàn thành hợp đồng phức tạp.

Tiêu chí năng lực		Trọng số	Lý do thiết kế
B	Tài chính & hiệu quả kinh doanh	35%	Đảm bảo sức khỏe tài chính để hoàn thành hợp nhiều đồng lớn trong cùng một thời điểm mà không mất thanh khoản giữa chừng.
C	Quản trị, uy tín & tuân thủ	20%	Phản ánh mức độ chuyên nghiệp, trách nhiệm xã hội và tính bền vững dài hạn; áp dụng thống nhất cho cả 3 lĩnh vực vì mang tính xuyên suốt.

Lớp 3 – Điểm sàn tối thiểu

Ngoài điểm tổng hợp, DN phải đạt điểm sàn tối thiểu, tránh tình trạng điểm tổng cao nhưng yếu nghiêm trọng ở một nhóm tiêu chí cốt lõi.

Căn cứ vào kết quả đánh giá, Hội đồng sẽ quyết định mức điểm sàn.

Nhóm DN	Tiêu chí năng lực A (min)	Tiêu chí năng lực B (min)	Tiêu chí năng lực C (min)	Điểm tổng (min)
Nhóm I	$\geq 75/100$	$\geq 60/100$	$\geq 70/100$	$\geq 70/100$
Nhóm II	$\geq 65/100$	$\geq 55/100$	$\geq 60/100$	$\geq 60/100$
Nhóm III	$\geq 50/100$	$\geq 50/100$	$\geq 50/100$	$\geq 50/100$
Không đạt	$< 50/100$	$< 50/100$	$< 50/100$	$< 50/100$

III. CÁC TIÊU CHÍ & NGUỒN ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chí năng lực (A) – Năng lực chuyên môn & kinh nghiệm

Tiêu chí năng lực (A) đánh giá năng lực thực tế: kinh nghiệm dự án, nhân sự, máy móc thiết bị, công nghệ đổi mới và an toàn lao động. Đây là nhóm tiêu chí phân biệt rõ nhất năng lực thi công thực tế của các DN.

Để loại trừ khả năng phân bổ giải điểm chưa phù hợp khi phân ngưỡng điểm, Hội đồng đánh giá sẽ thảo luận thêm về những trường hợp DN có điểm gần ngưỡng và quyết định DN thuộc ngưỡng nào.

Nguồn dữ liệu: hợp đồng đã nghiệm thu, danh sách BHXH, sổ tài sản cố định, báo cáo an toàn lao động.

Mã	Tiêu chí / Chỉ số	Mô tả / Cách đo lường	Ngưỡng điểm theo lĩnh vực			Điểm
			DD-CN	CTGT	M&E	
A1	Giá trị hợp đồng lớn nhất	Giá trị hợp đồng xây lắp lớn nhất đã được nghiệm thu hoàn thành trong 5 năm gần nhất. Tính phần giá trị DN thực hiện trong liên danh (không tính toàn bộ giá trị liên danh). Minh chứng: Biên bản nghiệm thu + Hợp đồng.	≥ 400 tỷ VNĐ	≥ 2.500 tỷ VNĐ	≥ 150 tỷ VNĐ	15
			200 – <400 tỷ	2000 – <2.500 tỷ	100 – <150 tỷ	10
			100 – <200 tỷ	250 – <2000 tỷ	20 – <100 tỷ	5
			< 100 tỷ VNĐ	< 250 tỷ VNĐ	< 20 tỷ VNĐ	0
A2	Số gói thầu quy mô lớn	Số gói thầu đạt ngưỡng giá trị A1 đã nghiệm thu hoàn thành trong 5 năm, với tư cách tổng thầu hoặc thầu chính (không tính thầu phụ). Mỗi gói thầu chỉ được tính một lần.	≥ 3 gói	≥ 3 gói	≥ 3 gói	15
			2 gói	2 gói	2 gói	10
			1 gói	1 gói	1 gói	5
			0 gói	0 gói	0 gói	0
A3	Nhân sự kỹ thuật	Tổng số kỹ sư và công nhân kỹ thuật (CNKT) có bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn phù hợp với hợp đồng lao động chính thức ≥ 6 tháng tính đến thời điểm đánh giá. Không tính lao động thời vụ, thầu phụ. Xác minh qua	≥ 300 người	≥ 300 người	≥ 150 người	15
			200 – <300	150 – <300	80 – <150	10
			100 - < 200 người	60 - < 120 người	40 - < 80 người	5
			< 100 người	< 60 người	40 người	0

		danh sách đóng BHXH.				
A4	Giá trị thiết bị chủ chốt	Tổng nguyên giá thiết bị chủ chốt theo lĩnh vực đăng ký theo BCTC kiểm toán tại thời điểm đánh giá.	≥ 200 tỷ	≥ 200 tỷ	≥ 30 tỷ	15
			100 – <200 tỷ	100 – <200 tỷ	10 - 30 tỷ	10
			50 - <100 tỷ	50 - <100 tỷ	5 - <10 tỷ	5
			< 50 tỷ	< 50 tỷ	< 5 tỷ	0
A5	Đổi mới, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới	Có bộ phận (hoặc nhóm chuyên trách) KHCN hoặc nghiên cứu phát triển (R&D) hoặc được được cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ; Có ngân sách hoặc chi phí thực tế dành cho cải tiến/ứng dụng mới trong 3 năm gần nhất (hoá đơn, hợp đồng nghiên cứu, đào tạo kỹ thuật mới)	Đạt cả 2 điều kiện	Đạt cả 2 điều kiện	Đạt cả 2 điều kiện	10
			Đạt 1 trong 2 điều kiện	Đạt 1 trong 2 điều kiện	Đạt 1 trong 2 điều kiện	5
			Không có	Không có	Không có	0
A6	Áp dụng công nghệ xanh	Sử dụng vật liệu có chứng nhận môi trường (EPD, Eco-label, Green label, VLXD xanh theo QCVN); Áp dụng biện pháp thi công kiểm soát bụi, tiếng ồn, chất thải đúng quy định (hồ sơ môi trường công trình, biên bản kiểm tra BVMT).	Đạt cả 2 điều kiện	Đạt cả 2 điều kiện	Đạt cả 2 điều kiện	10
			Đạt 1 trong 2 điều kiện	Đạt 1 trong 2 điều kiện	Đạt 1 trong 2 điều kiện	5
			Không có	Không có	Không có	0
A7	Áp dụng BIM	Có bộ phận quản trị BIM; Đã áp dụng BIM trong ít nhất 2 công trình.	Đạt cả 2 điều kiện	Đạt cả 2 điều kiện	Đạt cả 2 điều kiện	10
			Đạt 1 trong 2 điều kiện	Đạt 1 trong 2 điều kiện	Đạt 1 trong 2 điều kiện	5
			Chưa áp dụng BIM	Chưa áp dụng BIM	Chưa áp dụng BIM	0
A8	An toàn lao động	Không có tai nạn trong 3 năm gần nhất do lỗi trực tiếp của nhà thầu; Có quy trình về an toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động và đào tạo về an toàn lao động	Đạt cả 2 điều kiện	Đạt cả 2 điều kiện	Đạt cả 2 điều kiện	10
			Đạt 1 trong 2 điều kiện	Đạt 1 trong 2 điều kiện	Đạt 1 trong 2 điều kiện	5
			Không đạt	Không đạt	Không đạt	0

		(thể hiện qua ngân sách hàng năm).				
Σ TỔNG ĐIỂM NĂNG LỰC TỐI ĐA (A)						100

2. Tiêu chí năng lực (B) – Năng lực tài chính & hiệu quả kinh doanh

Tiêu chí năng lực (B) đảm bảo DN có sức khỏe tài chính đủ để hoàn thành hợp đồng lớn mà không mất thanh khoản.

Để loại trừ khả năng phân bổ giải điểm chưa phù hợp khi phân ngưỡng điểm, Hội đồng đánh giá sẽ thảo luận thêm về những trường hợp DN có điểm gần ngưỡng và quyết định DN thuộc ngưỡng nào.

Nguồn dữ liệu: BCTC đã kiểm toán 3 năm gần nhất.

Mã	Tiêu chí / Chỉ số	Mô tả / Cách đo lường	Ngưỡng điểm theo lĩnh vực			Điểm
			DD-CN	CTGT	M&E	
B1	Vốn chủ sở hữu (VCSH)	VCSH = Tổng tài sản – Tổng nợ phải trả theo BCTC kiểm toán năm gần nhất. Đây là chỉ số quan trọng nhất nhóm B (điểm tối đa 20), phản ánh nền tảng tài chính và năng lực bảo lãnh hợp đồng.	≥ 500 tỷ VNĐ	≥ 700 tỷ VNĐ	≥ 200 tỷ VNĐ	25
			250–<500 tỷ	400–<700 tỷ	100–<200 tỷ	20
			125 - < 250 tỷ	200 - <400 tỷ	50 - <100 tỷ	15
			< 125 tỷ	< 200 tỷ	< 50 tỷ	10
B2	Doanh thu xây lắp bình quân 3 năm	Doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp, bình quân 3 năm gần nhất theo BCTC kiểm toán. Không tính doanh thu từ BDS, thương mại, cho thuê ngoài ngành xây dựng.	≥ 1.000 tỷ	≥ 6.000 tỷ	≥ 500 tỷ	25
			500–<1.000 tỷ	1.000–<6.000 tỷ	250–<500 tỷ	20
			250 - < 500 tỷ	500 - < 1.000 tỷ	125 - < 250 tỷ	15
			< 250 tỷ	< 5000 tỷ	< 125 tỷ	10
B3	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp (ROS)	ROS = Lợi nhuận từ hoạt động xây lắp / Doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp, tính bình quân 3 năm. M&E thường có biên cao hơn do thâm dụng lao động kỹ thuật và thiết bị chuyên dụng.	≥ 8%	≥ 9%	≥ 10%	25
			5% –<8%	6% –<9%	7% –<10%	20
			0% - < 5%	0% - < 6%	0% - < 7%	15
			< 0%	< 0%	< 0%	10
			< 1.5	< 1.5	< 1.0	25

B4	Hệ số an toàn vốn: nợ phải trả / VCSH (Debt/Equity)	D/E = Tổng nợ phải trả / VCSH, tính tại thời điểm cuối năm tài chính gần nhất. Phản ánh mức độ đòn bẩy tài chính và rủi ro mất khả năng thanh toán. M&E: ngưỡng thấp hơn do ít vốn lưu động cần thiết hơn.	1.5—<2.0	1.5—<2.0	1.0—<1.5	20
			≥ 2.0	≥ 2.0	≥ 1.5	15
			≥ 2.5	≥ 2.5	≥ 2	10
Σ TỔNG ĐIỂM NĂNG LỰC TỐI ĐA (B)						100

3. Tiêu chí năng lực (C) – Quản trị, uy tín & tuân thủ

Tiêu chí năng lực (C) không phân theo lĩnh vực vì các năng lực quản trị và uy tín mang tính xuyên suốt, không phụ thuộc loại công trình. Tiếp cận nhất quán với Keishin System và Korea CCES.

Để loại trừ khả năng phân bổ giải điểm chưa phù hợp khi phân ngưỡng điểm, Hội đồng đánh giá sẽ thảo luận thêm về những trường hợp DN có điểm gần ngưỡng và quyết định DN thuộc ngưỡng nào.

Nguồn dữ liệu: chứng chỉ ISO còn hiệu lực, biên bản HĐQT, BCTC kiểm toán, phản hồi từ thầu phụ/nhà cung cấp.

Mã	Tiêu chí / Chỉ số	Mô tả / Cách đo lường	Ngưỡng điểm (áp dụng chung 3 lĩnh vực)	Điểm
C1	Hệ thống ERP và phần mềm quản lý	Hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp ERP (hoặc bộ phần mềm quản lý); Tất cả các phần mềm chuyên ngành xây dựng quốc tế hoặc trong nước đều được mua bản quyền hợp lệ.	Đáp ứng cả 2 tiêu chí	20
			Đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí	10
			Quản lý chủ yếu bằng Excel/thủ công	5
C2	Minh bạch tài chính	BCTC kiểm toán độc lập bởi tổ chức kiểm toán được Bộ Tài chính công nhận (danh sách công bố hàng năm). Ý kiến kiểm toán không có ngoại trừ trọng yếu.	Kiểm toán 3 năm liên tục gần nhất, ý kiến chấp nhận toàn phần	20
			Kiểm toán dưới 3 năm, hoặc có ý kiến ngoại trừ trọng yếu	10
			Kiểm toán dưới 2 năm, có ý kiến ngoại trừ trọng yếu, từ chối phát biểu hoặc ý kiến trái chiều	5
C3	Uy tín với chủ đầu tư	Lịch sử hoàn thành và chất lượng bảo hành công trình. Minh chứng: Biên bản nghiệm thu hoàn công	Tất cả công trình đã nghiệm thu đúng tiêu chuẩn và hết thời hạn bảo hành không phát sinh sửa chữa trọng yếu hoặc khiếu kiện	20

		không có sự cố chất lượng trọng yếu; Biên bản hết bảo hành không phát sinh khiếu nại. Thư khen/xác nhận chất lượng của chủ đầu tư là bằng chứng hỗ trợ có giá trị.	Công trình nghiệm thu đạt nhưng có phát sinh sửa chữa trong thời gian bảo hành, đã xử lý xong trước khi kết thúc bảo hành	10
			Hết thời gian bảo hành vẫn còn sửa chữa tiếp tục, hoặc có tranh chấp chất lượng chưa giải quyết	5
C4	Hệ sinh thái thầu phụ & nhà cung cấp	Lịch sử thanh toán thầu phụ và nhà cung cấp (NCC) trong 3 năm gần nhất. Nguồn xác minh: hồ sơ giải quyết tranh chấp tại cơ quan trọng tài/tòa án, phản hồi trực tiếp từ thầu phụ/NCC, hoặc cam kết xác nhận không tranh chấp của thầu phụ/NCC chính.	Không có khiếu nại, kiện cáo hoặc tranh chấp chính thức từ thầu phụ/NCC về thanh quyết toán, chiếm dụng vốn hoặc xác định phạm vi trong 3 năm gần nhất	20
			Có tối đa 1 khiếu nại chính thức trong 3 năm, đã được giải quyết dứt điểm có biên bản xác nhận	10
			Có từ 2 khiếu nại trở lên, hoặc có vụ kiện đang tiến hành chưa giải quyết xong	5
C5	Phát triển bền vững	Báo cáo phát triển bền vững được công bố công khai.	Báo cáo ESG theo GRI Standards hoặc tương đương TCVN, được đơn vị độc lập đảm bảo (assurance), công bố công khai trong 12 tháng gần nhất	10
			Có chính sách nội bộ về phát triển bền vững + báo cáo nội bộ có dữ liệu định lượng (năng lượng, phát thải, lao động)	5
			Chưa có báo cáo hoặc chính sách chính thức	0
C6	Giải thưởng & Công nhận	Giải thưởng, danh hiệu được trao bởi cơ quan nhà nước, hiệp hội ngành uy tín, hoặc tổ chức quốc tế trong 5 năm gần nhất. Bằng khen, giấy khen của chủ đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh trở lên được tính vào nhóm quốc gia.	Có ≥ 1 giải thưởng quốc tế (ASEAN Construction Award, ISO Excellence, v.v.) HOẶC ≥ 2 giải quốc gia cấp Bộ/Hiệp hội toàn quốc (Giải thưởng BXD, Top VNR500, v.v.)	10
			Có ≥ 1 giải quốc gia cấp Bộ/Hiệp hội toàn quốc HOẶC ≥ 2 giải cấp ngành/địa phương (tỉnh, thành phố)	5
			Chưa có giải thưởng đủ tiêu chuẩn nêu trên trong 5 năm gần nhất	0
Σ TỔNG ĐIỂM NĂNG LỰC TỐI ĐA (C)				100

IV. CƠ CHẾ THU THẬP DỮ LIỆU & THẨM ĐỊNH

1. Nguyên tắc thu thập dữ liệu

- DN tự khai báo và chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin, dữ liệu và kèm theo tài liệu minh chứng.
- Trong trường hợp phát hiện thông tin dữ liệu có sai sót hoặc bất thường, tổ chức tư vấn tổng hợp báo cáo Hội đồng để Hội đồng xem xét yêu cầu DN giải trình và có tài liệu chứng minh. Mức độ xử lý sẽ tùy thuộc vào mức độ vi phạm theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp có tranh chấp, khiếu nại từ bên thứ ba, Hội đồng sẽ xử lý tùy theo mức độ sai phạm và theo quy định của pháp luật.
- Tài liệu minh chứng nộp dưới dạng điện tử; lưu trữ tập trung trên hệ thống quản lý hồ sơ.
- Ưu tiên nguồn dữ liệu kiểm tra chéo được: BCTC kiểm toán, hệ thống eProcurement quốc gia, dữ liệu BHXH và cơ quan thuế.
- Hội đồng sẽ thông báo cho DN trong trường hợp có bất thường thông tin, doanh nghiệp được điều chỉnh và được chấp nhận nếu có số liệu và giải trình hợp lý.
- Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm bảo mật dữ liệu do DN cung cấp, chỉ sử dụng cho mục đích đánh giá.
- DN tính được kết quả điểm đánh giá của mình trên cơ sở ngưỡng tính điểm được phần mềm tự động tính điểm. Kết quả hiển thị ngay sau khi DN nhập dữ liệu đầy đủ.
- Mỗi DN chỉ xem được dữ liệu và kết quả của chính DN mình, không xem được dữ liệu và kết quả đánh giá của các DN khác.

2. Quy trình đánh giá

- **Bước 1 – DN đăng ký tham gia:** DN đăng ký tham gia và nhận tài khoản trên hệ thống phần mềm.
- **Bước 2 – DN cung cấp thông tin trên hệ thống:** DN chọn lĩnh vực, nhập số liệu năng lực kèm tài liệu chứng minh.
- **Bước 3 – Tư vấn thẩm tra số liệu và kết quả tính toán của từng DN:** Áp dụng ngưỡng điểm thống nhất theo khung đánh giá và ngưỡng tính điểm. Đối chiếu dữ liệu, yêu cầu DN giải trình bổ sung nếu có bất thường.
- **Bước 4 – Hội đồng đánh giá bỏ phiếu, quyết định:** Giải quyết những trường hợp vướng mắc do tư vấn tổng hợp đề xuất.
- **Bước 5 – Công bố kết quả:** Kết quả được công bố chính thức.

3. Chế tài xử lý gian lận

- Khai báo sai số liệu và không có tài liệu minh chứng: Hủy kết quả; cấm tham gia đánh giá trong 2 năm tiếp theo; công bố công khai danh sách vi phạm.
- Vi phạm điều kiện sơ loại bắt buộc, bị phát hiện sau khi được xếp hạng: Đưa ra khỏi danh sách kết quả đánh giá.